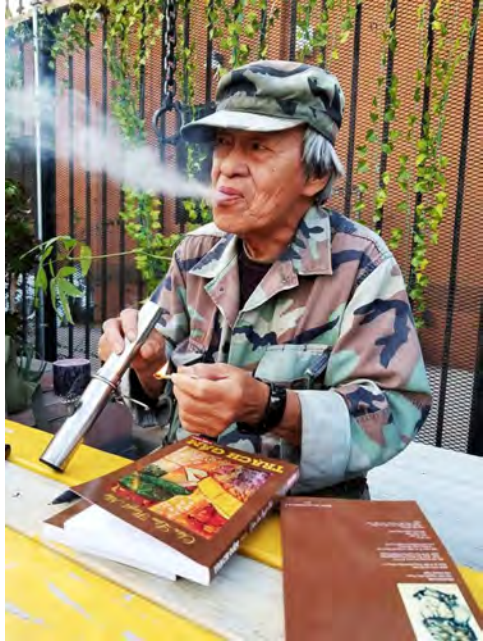


TRẠCH GẦM - MỘT GIỌNG THƠ ĐỘC ĐÁO

Đỗ Trường

**THÂN PHẬN NGƯỜI LÍNH GIỮ GIANG SAN TRONG CUỘC BINH ĐẠO
ĐỌC ĐỂ ĐỂ XUYẾN XAO THÁNG NGÀY XUYẾN XAO TRONG LỬA ĐẠN. (NS)**



Mục chân dung nhà văn

Có lẽ, dính vào viết lách, nên tôi thường nhận được những tác phẩm thơ văn gửi tặng qua bưu điện, hoặc E-mail. Đó cũng là một niềm vui, sự an ủi không nhỏ cho những người cầm bút. Tuần vừa rồi, có một bác từ Houston, Hoa Kỳ gửi cho tôi chùm thơ, và hỏi có biết Trach Gầm không.

Vâng, tất nhiên là tôi đã bắt gặp tên tuổi nhà thơ này, khi đọc và nghiền ngẫm Văn học miền Nam trước đây, và các tác giả sau 1975 ở hải ngoại. Song mới chỉ đọc một vài đoạn trích ở đâu đó của Trach Gầm, và chưa cho tôi một ấn tượng, hay cảm xúc gì đó đặc biệt.

Tuy nhiên, khi nhận chùm thơ này, tôi đọc ngay, và đọc một mạch. Cái tráng khí Trach Gầm làm cho tôi hơi bị sừng sốt. Do vậy, tôi tìm đọc ông. Và quả thực, thơ văn Trach Gầm đã cho tôi một cảm xúc thật sâu sắc.

Đọc ông, tôi chợt liên tưởng đến nhà thơ Huỳnh Hữu Võ, và Nguyễn Bắc Sơn. Nếu ngôn ngữ thơ của những người lính Huỳnh Hữu Võ, Nguyễn Bắc Sơn mang tính đặc trưng, thì ta có thể thấy rõ cái nét độc đáo trong thi ca Trach Gầm.

Nhà thơ Trach Gầm tên thật là Nguyễn Đức Trạch, người Quảng Ngãi, nhưng sinh trưởng tại Saigon. Ông xuất thân trong một gia đình truyền thống văn chương, bố là nhà báo kỳ cựu Hồng Tiêu Nguyễn Đức Huy và mẹ là nhà văn Bà Tùng Long. Cho nên, Trach Gầm cũng như những người em của mình (nhà văn Nguyễn Đức Lập, nhà văn Nguyễn Đông Thức) không chỉ ở văn chương chữ nghĩa, mà còn chịu ảnh hưởng

rất sâu sắc tư tưởng từ gia đình. Tuy nhiên, ông đến với thơ văn, đi vào cuộc chiến khá muộn.

Năm 1965, tròn 23 tuổi Trạch Gầm mới nhập ngũ khóa 21 Trường sĩ quan Thủ Đức, và có mười năm lăn lộn nơi chiến trường. Thời gian này, ông bắt đầu viết lách, và đăng tải rải rác trên các báo trong và ngoài quân đội. Nhưng phải đến sau tháng 4-1975, với gần mười năm cải tạo tù đầy, cùng những năm tháng cư ngụ nơi đất khách Hoa Kỳ, cây bút Trạch Gầm mới như có ma lực vậy.

Viết không nhiều, song những tác phẩm của ông đã đánh đúng vào tâm lý, chạm đến được tận cùng nỗi đau, sự cảm thông của con người, nhất là đối với những người lính đã trải qua cuộc chiến tranh, tù tội. Vì vậy, tự sự là một trong những thủ pháp nghệ thuật làm nên những trang viết ấy của Trạch Gầm.

Cho đến nay, Trạch Gầm mới cho in ấn, xuất bản ba tập thơ: *Vụn Vặt, Ráng Chiu, Dấu Giày Chinh Chiến*, cùng hai tập truyện: *Bên Lề Cuộc Chiến, Chôn Lành Huyệt Nhớ*, và tuyển tập *Nhốt Vòng Nhớ Thương*. Do vậy, ta có thể thấy, tuy là một nhà thơ, nhưng văn xuôi đã góp phần không nhỏ làm nên tên tuổi Trạch Gầm.

***Chiến trường, nơi âm tình đồng đội.**

Cũng như Phan Nhật Nam, hay Trần Hoài Thu, ngay từ những ngày đầu cầm súng Trạch Gầm đã nhận ra: “Cái khốn nạn của thế hệ chúng tôi, quê hương tôi, vận mệnh không nằm trong đôi tay của chúng tôi. Vì bọn ngoại bang đã đặt cả dân tộc của chúng ta lên bàn cân buôn bán!”.

Tuy mang nặng cái tư tưởng như vậy, nhưng mười năm cầm súng, Trạch Gầm không hề có sự mâu thuẫn, giao động trên đầu súng như nhà thơ, người lính Nguyễn Bắc Sơn. Với ông có sự phân biệt rạch ròi trách nhiệm của người lính. Do vậy đi vào cõi tử sinh, ta vẫn thấy cái hào khí Trạch Gầm, dường như có một chút ngang tàng: “Vào cõi chết ỉ ôi cùng chia chết/ Cầm súng lên rồi... trời đất bằng vung“. (Ngồi Nhớ Củ Chi).

Khi đi sâu vào đọc ông, tôi hơi bị bất ngờ và xúc động. Sự rung động ấy không hẳn vì tài năng miêu tả, trần thuật, mà bởi nghệ thuật đưa khẩu ngữ vào thơ văn của Trạch Gầm. Ngoài sự dân dã đó, ta còn thấy thơ Trạch Gầm đều có nhân vật, với những đại từ nhân xưng được cho là bỏ bả, một điều tối kỵ trong thơ văn từ trước đến nay.

Tuy nhiên, đọc ông dường như cái bỏ bả ấy đã trở nên nhẹ nhàng và gắn kết thân mật hơn, kể cả khi viết cho người tình: “Tao ở tù lâu, mày lấy chồng cũng phải/ Tao ra tù, mày bán máu đãi tao/ Miếng bông băng trên khủy tay run rẩy/ Tao khóc đã đời... “.

Vâng, âu đó cũng là tài năng, sự độc đáo trong thi ca Trạch Gầm vậy. Và cái sự dân dã, độc đáo ấy, đã gọi tên, đi thẳng vào cái tàn khốc của chiến tranh, nỗi đau của con người: “Mỗi tác đất được giữ bằng xương máu/ Thằng vừa chôn bị hất lên bởi pháo/ Thằng bị thương chưa bỏ... lại bị thương“ (Dấu giày chinh chiến).

Song nó cũng đã làm dịu âm lại tình bạn bè, đồng đội nơi binh đao, khói lửa ấy: “Tao với mày đạp chân qua bao bến/ Bến Nảy, Bến Mương, Bến Dục, Bến Đình/ Đất Củ Chi này, mỗi lần nhắc đến/ Đã đến rồi thằng nào lại nữa quên/ Dân đánh đấm bọn

mình thường lắm bạn/ Địa danh nào chẳng có đũa đầu lưng/ Có lắm lúc khề khà trong lửa đạn/ Lại lắm khi ngồi cạ chén rung rung.” (Ngôi Nhớ Củ Chi).

Nếu chưa đọc Lữ Quỳnh, hay Phạm Tín An Ninh, hoặc Thảo Trường...thì có lẽ, tôi không thể tưởng tượng ra được cái bi thương của người lính khi đọc: Trở lại Bình Long của Trạch Gầm. Có thể nói, đây là một bài thơ hay của Trạch Gầm, và cũng là một trong những bài thơ hay nhất viết về chiến tranh, thân phận người lính của nền Văn học Việt Nam. Sự tàn khốc mang tính chân thực ấy, đọc nó, tôi phải sờn gai ốc, khi ngồi viết những dòng chữ này:

*“Cũng nơi đây... ta bò ra ao rau muống
Quơ đại ít về nấu bát canh tươi
Rau dính tóc tai bay mùi thum thum
Ngập dưới ao... có mấy chục xác người
Cũng nơi đây... ta đắp mồ cho bạn
Vừa quay lưng xác bạn lại bật tung
Mỗi thước đất cài trăm ngàn mảnh đạn
Ta, sống nhăn, hóa kiếp... gọi anh hùng“*

Giữa chiến trường khốc liệt, và gian nan là thế, song hình ảnh người lính, lòng nhân đạo vẫn hiện lên đậm nét trong thơ Trạch Gầm. Với ông, nỗi đau, sự mất mát xóa nhòa gianh giới bạn và thù: “Hai thằng cắn răng bò qua bao xác/ Xác bạn xác thù trộn lẫn đau thương“. Và dưới bom rơi, đạn nổ không làm cho người lính Trạch Gầm run sợ, vậy mà cái tình người, tình đồng loại đã khiến ông phải rung rung đến nghẹn ngào:

*“Cũng nơi đây... ta cứu người con gái
Gởi trực thăng di tản về Bình Dương
Trực thăng nổ khi vừa rời mặt đất
Ta điếng hồn như vừa nuốt phải xương“ (Trở lại Bình Long)*

Nếu “Trở lại Bình Long“ ngoài sự tàn khốc, trù lên tất cả là lòng nhân bản, tình đồng loại, thì đến với “Trở lại Long Khánh“ Trạch Gầm đi sâu vào cái tình đồng đội, cùng chia sẻ nỗi đau mất mát, với sự ngậm ngùi, cảm thông: “Cầm ly rượu liếm môi còn máu bạn/ Hai thằng cười nước mắt ngập tràn ly“. Và nỗi vui, buồn lo âu ấy, luôn ám ảnh trong lòng thi nhân.

Với tâm trạng như vậy, song những câu thơ có tính khẩu ngữ dung dị vẫn ám tình người lính ở nơi địa đầu sinh tử: “Sợ bàn rượu thiếu một thằng mất sừng/ Thiếu một thằng là hụt hẫng niềm vui/ Đòi lính chiến bao phen trào nước mắt/ Tìm cái bắt tay... đất sập, lưng trời“. Có thể nói, Trở lại Long Khánh không phải là bài thơ hay nhất của Trạch Gầm, nhưng có những câu thơ (mang) hình tượng rất đẹp:

*“Tựa vách đá mòn bao lưng chinh chiến
Bỗng dựng thềm hai tiếng gọi mây tao
Tiếng gọi mây tao, những chiều tắt nắng
Dựng mặt trời bằng ngàn ánh hỏa châu“*

Trạch Gầm đã bộc lộ và gửi cảm xúc của mình vào nhiều thể loại, từ lục bát, ngũ ngôn cho đến thơ tự do...Nhưng phải nói, những bài thơ hay của ông đều thuộc thể bát ngôn. Một thể thơ không quá gò bó bởi niêm luật. Và “Đêm Giao Thừa Của Lính“ là một bài thơ như vậy. Với tôi, đây là bài thơ tiêu biểu nhất về tâm trạng của người

lính nơi trận tiền giữa giờ phút thiêng liêng (của đêm giao thừa). Bài thơ như một lời an ủi, tự ru lòng mình vậy. Giữa núi rừng sâu thẳm, trong cái phóng khoáng, có một chút ngang tàng, dường như ta vẫn thấy được cái an nhiên tự tại của người lính. Và cái giây phút thiêng liêng ấy, họ vẫn muốn sum họp, sẽ chia cùng đồng đội những người đã nằm xuống: “Chừa vài chén cho những thằng nằm xuống/ Gọi nó về cùng ngòi uống cho vui”. Tôi đã đọc khá nhiều thơ văn viết về chiến tranh, song thành thật mà nói, rất ít người viết về đồng đội sâu đậm như Trách Gầm:

“Bày ra mấy... một vài chai rượu đế
Giữa núi rừng còn hương vị nào hơn

Ai cảm mấy không được quyền mơ ước
Cứ vẽ ra vài dáng đáp phố phường
Cài lên đó thêm vài hàng nước mắt
Y chang rằng mình cũng có người thương
Bất bình há... lia lên trời vài loạt
Nhớ cài nhiều đạn lửa đốt màn đêm
Soi rọi thử lại khoảng đời phiêu bạt
Khóc hay cười cùng bè bạn anh em...”

Có thể nói, thơ Trách Gầm ghim được vào lòng người đọc như vậy, nhất là những người lính, bởi tính chân thực. Mỗi địa danh, mỗi trận đánh đều mang dấu ấn của lịch sử. Bạn bè, đồng đội ông là những con người thực, tên tuổi thực. Mỗi câu thơ như một mũi khoan xoay vào lòng người đọc: “Vợ thằng Dám đâm ngực tao bình bịch/ Chồng em đâu, chết rồi hả anh Hai”.

Cho nên, sống hay chết đều để lại những nỗi đau, với kỷ niệm buồn sau chiến trận. Và Trách Gầm như một người thư ký, cần mẫn ghi lại bằng thơ. Ấu đó cũng là sự giải tỏa nỗi lòng Trách Gầm, và cho cả đồng đội ông.

***Những ngày tháng tư – với linh hồn rách nát.**

Và tháng tư đến, cái nhận thức, tư tưởng ngay ban đầu của Trách Gầm đã trở thành hiện thực. Thân phận đất nước nói chung, và người lính nói riêng đã được đặt lên bàn, để cân đong đo đếm. Người lính ấy, không thể tự quyết số phận của mình trên chiến trường. Chỉ với hình ảnh một ông tướng thăm dân và thị sát, rồi không bao giờ trở lại, Trách Gầm đã cho ta thấy rõ cái bản chất của cuộc chiến này.

Sự phũ phàng, xảo trá và lưu manh đó đã đưa đất nước, con người vào đường cùng, ngõ cụt. Và Nhật ký tháng Tư là một bài thơ như vậy của Trách Gầm: “Hai tám tháng Tư, ta ra lộ Một/ Gặp ông tướng vùng thị sát thăm dân/ Ông nói lung tung, ông thề sống chết/ Ông nói xong rồi, ông bay biệt tăm”.

Có thể nói, Nhật ký tháng Tư là một bài thơ điển hình, chân thực nhất của Trách Gầm về những ngày tháng tang thương này. Lời thơ tự sự, với những hình ảnh so sánh: mát/ còn, làm cho người đọc phải nghẹn ngào, xót xa:

“Hai chín tháng Tư, Biên Hòa xơ xác
Ta về Sài Gòn ngang qua nghĩa trang
Ta đứng nghiêm chào bạn ta đã chết
Như tự chào mình - nát cả tim gan.
Ba mươi tháng Tư, ta ôm mặt khóc
Trên cầu Sài Gòn - cạnh phố Hùng Vương

Mười năm binh đao, mười ngày kết thúc
Ta còn nguyên, mà mất cả Quê Hương... “

Vậy là, người lính Trạch Gầm vẫn còn sống để trở về, nhưng linh hồn dường như đã mất. Sự chán chường, và vô nghĩa ấy, buộc ông trải vào những trang thơ. Lời trước nghĩa trang, tuy không phải là bài thơ hay của Trạch Gầm, song nó tiêu biểu cho cái diễn biến tâm lý chung (rất sâu sắc, chân thực) của người lính thất trận ở những ngày này. Vẫn biện pháp tu từ so sánh, đoạn trích dưới đây cho ta thấy rõ điều đó:

“Mày đã hơn tao vì mày đã chết
Hưởng chút lễ nghi hưởng chút ân cần
Có được người thân cho lời nuôi tiếc
Còn tao bây giờ sống cũng như không“

Và sau cuộc chiến, tù cải tạo là con đường duy nhất của người lính. Lỡng thững vô tù mà Trạch Gầm vẫn không thể tin miền Nam đã sụp đổ: “Ngày mất nước không tin mình thua cuộc/ Tuổi mới hăm đã lỡng thững vô tù/ Vai nhẹ téch quai vài dòng nước mắt/ O Huế nào đã khuấy động lu bu... “.

Cái phũ phàng, và bất ngờ ấy, dường như không chỉ riêng ở người lính Trạch Gầm, mà ta còn bắt gặp trên trang văn Phan Nhật Nam, và cả Trần Hoài Thu nữa. Họ đều nghĩ: “hết chiến tranh anh sẽ về Nha Trang dạy học và cưới em “ (Trần Hoài Thu).

Nhưng buồn thay, các bác cùng dắt tay nhau vào rọ cá. Ở nơi chuồng người Hoàng Liên Sơn với những điều trở trêu, và nghịch lý đó, chẳng biết các bác có gột rửa được tâm hồn hay không? Nhưng đọc những câu thơ khi chất Trạch Gầm thấy người hơi rung rinh, sáng khoái: “Người nói trăm điều: một điều không biết/ Người là thá gì mà... cải tạo Ta? “.

Có thể nói, tù đầy, chết chóc chưa hẳn là điều đáng sợ, mà nỗi đau tinh thần mới là sự ám ảnh, tang thương nhất đối với người lính thất trận. Và nỗi đau ấy, vượt ra khỏi những trang thơ, buộc Trạch Gầm phải đến với văn xuôi, truyện ngắn.

Tôi đã tìm đọc một số truyện của ông trên internet, nhưng có thể nói, Cháy giữa mùa xuân là truyện ngắn độc đáo, hay nhất của Trạch Gầm. Độc đáo bởi, lần đầu tôi được đọc một tù cải tạo viết về gái gú bán mua rất sinh động và chân thực ở ngay chốn lao tù.

Và ở đó cũng cho tôi thấy cái tình người vẫn còn sót lại ở nơi địa ngục trần gian này: “Tôi thì không như mấy thằng trong trại, chúng chỉ biết coi tù, rắc rối bỏ mẹ xử lý chẳng có chút chi là tình người... Với tôi ông muốn nói gì cũng được tất, chuyện xưa chuyện nay, hát nhạc vàng, hát vọng cổ...ngồi trước mặt tôi các ông không nên chửi đàng, thế thôi“.

Với từ ngữ, lời thoại dân dã, mộc mạc, cùng thủ pháp châm biếm, Trạch Gầm cho người đọc tiếng cười thật chua chát. Trích đoạn lời thoại giữa nữ xã đội trưởng giám sát với những người tù phá đá nung vôi dưới đây, sẽ cho ta thấy rõ điều đó:

“Trong 6 tháng bọn anh thật mà nói chẳng có thằng nào còn giữ được cái đồng hồ. Nếu trong trại còn có đứa nào yếm được thì anh sẽ cố kiếm mua cho em. Có điều em bảo gì gì cũng được anh lại không hiểu gì cả...
Nở cười:

– Gì gì em muốn nói ở đây là chất tươi đó mà, nói toẹt ra là gái đấy.

Điệp chận lời:

– Xã hội chủ nghĩa mà còn lưu hành cái món này sao? Anh cứ nghĩ là được giáo dục đến nơi đến chốn hết rồi chứ.

– Ôi! cái nghề có từ đời thượng cổ, càng đời rách thì càng sanh mầm như nấm gặp mưa. Nói cho anh rõ ngoài Yên Bái đánh một quả năm tì, trong làng mọc mạt, giá hữu nghị chỉ có ba tì...các anh, anh nào cũng sức trai hùng hực.

Những ngày mà bọn tôi còn trong rừng núi Trường Sơn, nhiều đồng chí nam bị sốt ác tính vật còn như tàu lá, thế mà thấy các đồng chí nữ tám tuổi vẫn ngẩng đầu lên xin tí tình“

Đọc Cháy giữa mùa Xuân, ta thấy rất nhiều tình tiết đan xen tạo nên bức tranh đa màu. Ở đó, ta không chỉ thấy được nỗi thống khổ của những tù nhân, mà còn thấy được cái bi kịch của cả một xã hội. Sự tàn nhẫn, mông muội của cường quyền đẩy con người đến đường cùng không lối thoát. Và với hình thức hư cấu (thằng bé hóa thành tinh) Trạch Gầm muốn nhắc đến một điều, quả báo là có thực chẳng:

“từ cái lò này, trước khi các anh ra ba năm, có một đứa bé mới sanh bị quặng cháy trong lò. Con bé chồng đi bộ đội biệt tăm biệt tích, hui hui cùng bố chồng đơn chiếc tự dung có bầu. Con bé bị hành lên xách xuống bởi ủy ban nhân dân, bởi hội phụ nữ toàn dân góa bụa, cứ muốn phăng cho biết ai là tác giả.

Con bé cắn răng cho đến ngày sanh. Thằng bé vô tội cháy giữa mùa xuân. Con bé vào tù, người cha chồng phát điên, cửa lò vôi bị khép lại. Dân làng chẳng có người nào dám mò đến đây vì họ cho rằng thằng bé thành tinh mỗi năm vật vại tay già trong làng để trả thù cho mẹ nó. Chuyện đấy, tôi không hiểu tại sao các anh không bị thằng bé hành, có thể các anh là tù, là cái tận cùng của mạng số.”

*** Con phố tha phương- lặng lẽ- u sầu.**

“Con phố tha phương- lặng lẽ- u sầu“ có lẽ là câu thơ buồn nhất của Trạch Gầm, khi đặt chân tới Mỹ. Và tôi cũng mượn nó để (làm tiêu đề) viết cho phần kết về ông. Nỗi u buồn đó, phải chăng nhà thơ không, hay chưa tìm được tiếng nói chung, một tâm hồn đồng cảm: “Đất Mỹ tự do, mà vẫn thấy buồn/ Mười mấy năm tù khổ thì có khổ/ Nhưng bạn bè cùng một nỗi nhớ thương”.

Thật vậy, trước thực trạng lòng người chia năm xẻ bảy ngay trên mảnh đất tự do này, với phép hoán dụ, Trạch Gầm đã gửi cái chán chường ấy vào thi phẩm: Nói với bạn bè. Có thể nói, đây là một trong những bài thơ hay, và chân thực nhất của Trạch Gầm viết trong thời gian này. Nó đã được nhạc sĩ Nguyễn Văn Thành phổ thành ca khúc cùng tên:

“Tao bây giờ không tiền mua rượu uống
Mà vẫn say...say ngút với nỗi buồn
Nhìn thiên hạ tranh nhau quyền yêu nước
Mấy chục năm ròng – Nước vẫn tang thương”.

Với Trạch Gầm, thân phận người lính nơi chiến trường, hay nơi núi rừng Hoàng Liên Sơn, hoặc ở nước Mỹ tha phương thì vẫn áo đời toi tả. Những câu hỏi tu từ trong thơ, dường như Trạch Gầm không tìm lời giải đáp. Song như “có nụ buồn” quặn xoắn trong lòng người vậy:

“Hốt vài nụ cười tha phương đất lạ
Có nụ buồn nào có tuổi không em
Anh vẫn là anh áo đời tôi tả
Xô mộng lưng trời... té ngã té nghiêng” (Nói cùng buồn)

Với thực trạng (thiên hạ tranh nhau quyền yêu nước) ấy, Trạch Gầm chỉ còn biết gửi hồn vào những trang thơ, rồi mở ra một lối đi riêng cho mình. Do vậy, ta có thể thấy, tình yêu quê hương và nỗi nhớ đồng đội vẫn thường trực trong ông: “Thêm một ngày lưu lạc/ Thao thức cùng Quê Hương/ Bạn bè còn bao đũa/ trắng đời giữa tuyết sương” (Nỗi nhớ không nguôi).

Tuy viết không nhiều, nhưng mảng thơ thời sự xã hội góp phần không nhỏ làm nên cái chất độc đáo Trạch Gầm. Với thân đất khách, hồn nơi quê nhà, cho nên một sự kiện nhỏ xảy ra ở quê hương cũng làm cho ông day dứt.

Lời cho Lê Thị Công Nhân là một bài thơ, hay một lời cảm phục, một sự phẫn nộ của Trạch Gầm, khi nghe tin cô bị bắt. Có thể nói, thơ thể sự của Trạch Gầm luôn đứng về phía lẽ phải, mang hơi ấm của sự đồng cảm đến với những con người cô đơn, bị trị.

Tự do dân chủ là tư tưởng xuyên suốt trang viết của ông: “Người con gái ấy/ Đủ điều kiện, sống một mình an lạc/ Đã bỏ nụ cười vì nhìn thấy chung quanh/ Những khổ đau, những đày đọa, những bạo hành/ Bởi những kẻ/ Tự vỗ ngực xưng mình có công cùng đất nước”.

Và ngòi bút ông chọc thẳng vào ung nhọt của xã hội, nhất là những kẻ bán rẻ Tổ quốc và lương tâm. Lời thơ dồn nén uất ức, nhưng thẳng thắn, với khẩu ngữ mang giọng điệu hài hước làm cho người đọc phải bật ra tiếng cười chua xót, và căm phẫn: “Đ.M. cho tao chửi mày một tiếng/đất của cha, ông sao mày hiến cho Tàu.”.

Dù sức đã cùng, lực đã kiệt, và sống xa cả chục ngàn cây số, người lính Trạch Gầm vẫn nặng lòng với đất, quê hương. Do vậy, không chỉ dừng ở đó, Trạch Gầm truy vấn đến cùng trách nhiệm của người lính mang danh bộ đội nhân dân, mỗi khi đất nước có sóng gió, hiểm nguy:

“Là bộ đội nhân dân...
Sao mày đi bảo vệ
Một lũ đầu trâu hút máu Đồng Bào
Một lũ đầu trâu hiến đất cho Tàu
Tác quái lộng hành... giam người Yêu Nước
Tổ Quốc lâm nguy sờ sờ trước mắt
Non nước đang cần Bộ đội Nhân Dân
Cần những thằng đã từng nặng lời thề thốt
Quyết tử để Tổ Quốc sống còn...” (Bộ đội nhân dân)

Có thể nói, thơ Trạch Gầm chân thực, và mộc mạc, dễ hiểu, không kén người đọc. Cho nên, từ tầng lớp trí thức cho đến bình dân đều đồng cảm yêu mến văn thơ của ông. Trên một trăm bài thơ của Trạch Gầm đã được mười sáu nhạc sỹ phổ nhạc, đã minh chứng cho điều đó.

Mỗi bài thơ của ông là một trang nhật ký, một trang sử, hay một hoài niệm về một thời chinh chiến, và tù đày. Cũng như Phan Nhật Nam, hay Phạm Tín An Ninh...tôi nghĩ, cả cuộc đời Trạch Gầm không thể bước ra khỏi cuộc chiến này.

Tôi chưa từng gặp gỡ, và quen biết Trạch Gầm, đọc và viết về ông trong thời gian trên chục ngày, sau giờ làm việc. Do vậy, chắc chắn không thể đào bới hết, và còn nhiều sai sót về văn thơ Trạch Gầm. Nhân tháng Tư, tôi viết bài này như một lời tri ân đến bậc tiền bối vậy.

Đỗ Trường

Leipzig ngày 4-4-2022